



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
Đa tăng giá trị

SJC



SJC SECURITIES CORPORATION

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC

DD/C: 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP. HCM.

Điện thoại: (84 8) 3932 9999 Fax: (84 8) 3932 6595

Email: info@sjs.com.vn

Web: www.sjs.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC (SJCS)

Giấy phép thành lập số: 97/UBCK-GP ngày 04 tháng 9 năm 2008

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

TP. HỒ CHÍ MINH, 03/2013

MỤC LỤC

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	5
2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	6
3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	6
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
1. NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM CỦA SJCS	7
2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2011 – 2013	7
3. NGUYÊN NHÂN CHÍNH DẪN ĐẾN SỰ BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2013 SO VỚI NĂM 2012:	8
4. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI.....	11
III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	12
1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	12
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	15
3. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC.....	15
4. KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2014	16
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	17
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	52
VI. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG.....	57

S.G.P
C
DUAN

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình hình thành và phát triển



CÁC MỐC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

04/09/2008	SJCS chính thức đi vào hoạt động theo Giấy phép số 97/UBCKNN cấp ngày 04/09/2008 với vốn điều lệ ban đầu là 53 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại số 18A, Đinh Tiên Hoàng, Phường Dakao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
25/9/2008	SJCS được công nhận là thành viên của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo Giấy chứng nhận số 98/GCNTVLK ngày 25/09/2008.
05/12/2008	SJCS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 99/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/12/2008.

06/02/2009	SJCS được công nhận là thành viên giao dịch của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 35/QĐ-TTGDHN do Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 06/02/2009.
28/07/2009	Công ty được chấp thuận là thành viên giao dịch trực tuyến tại SGDCK thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số: 77/QĐ – SGDHCM ngày 28/07/2009.
03/03/2011	Công ty được UBCKNN chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến theo Quyết định số: 223/QĐ-UBCK.
03/04/2013	SJCS được UBCK Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh số: 13/GPDC-UBCK

2. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

3. Định hướng phát triển

SJC Securities là công ty chứng khoán thứ 97 được cấp phép hoạt động từ năm 2008, mục tiêu SJC Securities nhắm tới là trở thành “Công ty chứng khoán có chất lượng dịch vụ tốt và minh bạch nhất Việt Nam”, thông điệp mà SJC Securities muốn gửi đến công chúng đầu tư: “Luôn mang lại giá trị gia tăng cho nhà đầu tư – Add more value”.

Trong chiến lược dài hạn, SJC Securities xác định luôn đồng hành cùng khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phát triển trên nền công nghệ thông tin tối ưu, máy móc thiết bị chuyên dùng hiện đại, kèm theo những dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt nhất nhằm đem lại hiệu quả đầu tư cao cho khách hàng với cam kết gắn bó cùng phát triển. Bởi phương châm của chúng tôi là:

- Luôn mang lại giá trị gia tăng cho nhà đầu tư;
- Lắng nghe và Đồng cảm với khách hàng;
- Hợp tác và Chia sẻ;
- Học hỏi và Sáng tạo;...

SJC Securities tin tưởng vào định hướng phát triển đúng đắn của mình vì Ban lãnh đạo Công ty xác định, muốn phát triển bền vững thì bên cạnh quy mô vốn, công nghệ tối ưu, yếu tố

nhân sự cũng là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của Công ty. Do đó, SJC Securities tập trung ưu tiên phát triển nguồn lực con người để xây dựng một đội ngũ nhân sự trẻ, năng động, giỏi chuyên môn... Và hơn thế là sự đoàn kết, nhất trí, đặt quyết tâm cao để thực hiện mục tiêu đã đặt ra của toàn thể Ban lãnh đạo, nhân viên SJC Securities.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm của SJCS

- Đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm hiện đại, bảo mật cao cùng với hệ thống giao dịch trực tuyến có nhiều tiện ích, nâng cao năng lực hệ thống máy móc thiết bị, hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý và cung cấp các dịch vụ về chứng khoán có chất lượng ưu việt nhất đến quý nhà đầu tư.
- Phần mềm Quản lý các khoản vay hỗ trợ vốn dành cho nhà đầu tư trên hệ thống Core.
- Ban lãnh đạo Công ty đã hoàn tất quá trình tái cấu trúc Công ty theo hướng gọn nhẹ, linh hoạt hơn và chú trọng đẩy mạnh việc phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu và nâng cao chất lượng dịch vụ để đón đầu thị trường.

2. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của công ty năm 2011 – 2013

Kết quả kinh doanh (VNĐ)	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	10.003.725.958	7.729.989.646	7.208.493.809
Lợi nhuận thuần từ HĐKD chứng khoán	(6.053.461.887)	(7.502.101.771)	(2.880.272.955)
Tổng lợi nhuận trước thuế	(5.602.094.525)	(6.619.295.066)	(2.654.553.066)
Lợi nhuận sau thuế	(5.602.094.525)	(6.619.295.066)	(2.654.553.066)
Bảng cân đối kế toán	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tài sản ngắn hạn (VNĐ)	84.986.154.114	56.665.185.944	50.472.782.542
Tài sản dài hạn (VNĐ)	6.003.968.293	4.457.821.680	4.846.898.470
Tổng tài sản (VNĐ)	90.990.122.407	61.123.007.624	55.319.681.012
Nợ phải trả (VNĐ)	42.806.662.540	19.558.842.823	16.410.069.277
Vốn chủ sở hữu (VNĐ)	48.183.459.867	41.564.164.801	38.909.611.735
Tổng Nguồn vốn	90.990.122.407	61.123.007.624	55.319.681.012
Vốn điều lệ (VNĐ)	53.000.000.000	53.000.000.000	53.000.000.000
Số lượng CPDLH (cp)	5.300.000	5.300.000	5.300.000

Các chỉ tiêu khác	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	93,4%	92,71%	91,24%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	6,6%	7,29%	8,76%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	47%	32%	29,66%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	53%	68%	70,34%
Tỷ suất lợi nhuận	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
ROA (%)	-	-	-
ROE (%)	-	-	-
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (Đồng/cp)	-1.057	-1.249	-501

Nguồn: BCTC kiểm toán SJCS năm 2011 – 2013

3. Nguyên nhân chính dẫn đến sự biến động kết quả kinh doanh năm 2013 so với năm 2012:

3.1. Tổng quan tình hình kinh tế năm 2013

Theo đánh giá của Tổng cục thống kê, nền kinh tế năm 2013 đã tăng trưởng cao hơn năm 2012 nhưng chất lượng tăng trưởng chưa cao và chưa bền vững. Cụ thể:

Tín hiệu phục hồi:

- Năm 2013, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 5,42% so với năm 2012, trong đó quý I tăng 4,76%, quý II tăng 5,00%, quý III tăng 5,54% và quý IV tăng 6,04%. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đề ra, nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và có tín hiệu phục hồi.
- Xét về góc độ sử dụng GDP, tiêu dùng tăng 5,36% so với năm 2012.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2013 theo con số thống kê là thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.
- Một trong những con số ấn tượng trong năm nay là chỉ số hàng tồn kho tại thời điểm 1/12/2013 của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chỉ tăng 10,2% so với cùng thời điểm năm 2012 (cùng kỳ năm 2011 là 23%; năm 2012 là 20,1%).
- Về tình hình Doanh nghiệp (DN), ước tính năm 2013, tổng số DN đăng ký thành lập mới là 76.955 DN, tăng 10,1% so với năm 2012, với tổng vốn đăng ký là 398,7 nghìn tỷ đồng, giảm 14,7%. Số DN gặp khó khăn phải giải thể hoặc ngừng hoạt động là 60.737 DN, tăng 11,9% so với năm trước, trong đó số DN đã giải thể là 9.818 DN, tăng 4,9%; số DN đăng ký tạm ngừng hoạt động là 10.803 DN, tăng 35,7%. Tuy số lượng DN vẫn tăng nhưng đa số mới phát triển về lượng, chứ chưa phát triển về chất. Bằng chứng là số lượng DN tăng, nhưng lượng vốn đầu tư lại giảm.

Xuất khẩu ít giá trị gia tăng:

- Theo Tổng cục Thống kê, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2013 ước đạt 132,2 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2012. Nếu ngoại trừ yếu tố giá, tỷ lệ này sẽ là 18,2%. Trong cán cân xuất nhập khẩu, Việt Nam xuất siêu sang Mỹ 18,6 tỷ USD, EU 11,2 tỷ USD, Nhật Bản là 2,3 tỷ USD... Năm 2013 là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam xuất siêu. Giá trị xuất siêu năm nay là 863 triệu USD, chiếm 0,07% tổng kim ngạch xuất khẩu, so với con số 749 triệu USD của năm 2012. Điều này cho thấy, bối cảnh kinh doanh còn nhiều khó khăn. Hệ lụy của việc này còn gây sức ép không nhỏ đến tình hình kinh tế - xã hội cũng như thu ngân sách năm 2014.
- Theo dự báo của Bà Mai Thị Thu, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - xã hội Quốc gia, tăng trưởng kinh tế năm 2014 nhiều khả năng tiếp tục hồi phục, nhưng khó đạt mức cao. Vốn đầu tư sẽ có những cải thiện nhất định so với giai đoạn 2011 - 2013. Xuất khẩu tiếp tục giữ đà tăng ổn định, nhập khẩu dự báo tăng hơn trong giai đoạn tới. Chỉ số giá tiêu dùng nhiều khả năng giữ được ở mức một con số. Đó là bức tranh cơ bản của dự báo kinh tế năm 2014 được nhiều chuyên gia đưa ra.

3.2. Tổng quan về thị trường chứng khoán năm 2013

Năm 2013, giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chiếm gần 16% giá trị giao dịch toàn thị trường. Thị trường chứng khoán (TTCK) đã tạo nên những đợt sóng tăng mạnh, đem lại lợi nhuận lớn cho những nhà đầu tư bám trụ thị trường. Đã có những đợt sóng tăng trưởng kéo dài khiến dòng tiền của nhà đầu tư cả trong và ngoài nước tham gia mạnh mẽ.

Theo đó, có những thời điểm thị trường âm ảm, nhà đầu tư nhỏ lẻ dời bỏ TTCK thì dòng tiền khối ngoại đổ mạnh vào thị trường, trở thành động lực tạo sóng tăng trưởng.

Phục hồi trong khó khăn:

Giữa năm 2013, khối ngoại đã liên tục mua ròng lên tới nhiều nghìn tỷ đồng. Giao dịch của khối ngoại đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đẩy thị trường tăng mạnh, đồng thời kích thích dòng tiền đầu cơ ản theo, tạo cộng hưởng. Các mã chứng khoán chủ chốt bluechip được khối ngoại gom vào mạnh nhất trong giai đoạn này và chỉ số thị trường đã hưởng lợi lớn từ đà tăng của các cổ phiếu bluechip. Giao dịch của khối ngoại có thời điểm giữ vai trò dẫn dắt thị trường tăng hoặc trở thành một lực lượng quan trọng trên TTCK Việt Nam. Trong đó, hoạt động cơ cấu danh mục của các quỹ FTSE Vietnam Index và V.N.M đã có những tác động nhất định đến giao dịch thị trường. Tuy nhiên, chiến thuật giao dịch của các quỹ ETF đã bị giới đầu tư trong nước nắm bắt, nên mức ảnh hưởng của các đợt cơ cấu danh mục đã giảm đi đáng kể.

Sức hút của cổ phiếu bluechip được định giá P/E, P/B khá hấp dẫn sau thời gian dài giảm điểm, nhưng vẫn đạt kết quả kinh doanh tốt, tăng trưởng ổn định và ản tượng. Từ đó, dòng tiền của nhà đầu tư nội cũng đưa vào nhóm cổ phiếu này rồi lan truyền mạnh mẽ sang cổ phiếu đầu cơ. Sau giai đoạn tăng trưởng nóng, thị trường đã sụt giảm trở lại cho tới tháng 9/2013. Nguyên

nhân xuất phát từ việc thiếu vắng động lực tăng trưởng bền vững, khi những yếu tố được giới đầu tư kỳ vọng trong những tháng đầu năm đã không trở thành hiện thực. Ba tháng cuối năm, TTCK đã khởi sắc trở lại với sự dẫn dắt chính của dòng tiền nội, tập trung vào cổ phiếu đầu cơ và sự trở lại mua ròng của khối ngoại.

Việc Fed quyết định hoãn thu hồi gói QE3 đến đầu năm 2014 đã giúp khối ngoại ngưng rút tiền khỏi những thị trường mới nổi. Khối ngoại trở lại vẫn tập trung vào các cổ phiếu bluechip, tuy lực mua có yếu hơn, nhưng là bệ đỡ quan trọng trong việc lôi kéo dòng tiền đầu cơ trở lại thị trường. Hơn nữa, dòng tiền đầu cơ nhắm vào "mùa vụ cuối năm", kỳ vọng kết quả kinh doanh đột biến mang tính mùa vụ, nhằm cải thiện về lợi nhuận của các doanh nghiệp.

Việc khối ngoại quay trở lại mua ròng vào cuối năm 2013 cho thấy dòng vốn nước ngoài vẫn luôn quan tâm đến TTCK Việt Nam, dòng tiền này thường có tác động mạnh mẽ lên xu hướng của thị trường.

Tuy nhiên, có thể thấy rằng dòng vốn của khối ngoại hiện tại chủ yếu mang tính ngắn hạn, trong đó ảnh hưởng từ giao dịch của các quỹ ETF là rất lớn, dòng tiền của khối ngoại có bền vững hay không sẽ ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến thị trường và cả nền kinh tế nói chung.

Khối ngoại vẫn đổ tiền vào chứng khoán

Theo ông Trần Đức Sinh, Chủ tịch Hội đồng quản trị Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE), trong năm 2013, giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chiếm gần 16% giá trị giao dịch toàn thị trường, chủ yếu ở trạng thái mua ròng. Tỷ lệ này còn thấp nếu so với các nước trong khu vực, như Thái Lan, Malaysia...

Hiện toàn TTCK có khoảng 16.700 tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài, đạt mức tăng trưởng trung bình 30% trong vòng 5 năm qua. Thống kê trên HoSE, vốn của khối ngoại chủ yếu được phân bổ trong các công ty niêm yết ở 3 ngành gồm: công nghiệp chế biến, chế tạo; tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và bất động sản. Tính đến cuối năm 2013, tỷ lệ sở hữu trung bình của nhà đầu tư nước ngoài ở các công ty niêm yết trên HoSE vào khoảng 24%.

Thực tế, tính đến tháng 11/2013, nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ khoảng 207.000 tỷ đồng trong tổng số 848.000 tỷ đồng vốn hóa thị trường của các doanh nghiệp niêm yết trên HoSE. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp đã hoặc gần chạm mức trần sở hữu 49% cho khối ngoại.

Một hạn chế khác khiến khả năng tiếp nhận vốn của khối ngoại bị hạn hẹp là do tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng của nhiều doanh nghiệp lớn ở mức dưới 10%, như cổ phiếu VCB của Vietcombank, CTG của Vietinbank hay BVII của Tập đoàn Bảo Việt...

Trở lại với dòng tiền trên TTCK, vẫn còn nhiều lo ngại có thể ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường Việt Nam. Các yếu tố thuận lợi và thách thức đan xen khiến xu hướng TTCK năm 2014 không thể hoàn toàn lạc quan.

Thời gian qua, thị trường đã hồi phục trở lại sau giai đoạn điều chỉnh giữa năm; chỉ có nhà đầu tư chọn lọc, đón đầu đúng xu hướng mới đem lại thành công trong năm 2014.

3.3. Tình hình hoạt động của các công ty chứng khoán

Theo đó, trong hơn 100 công ty chứng khoán có 84 công ty hoạt động bình thường và 20 công ty thuộc diện tái cấu trúc. Cụ thể, trong số 20 công ty chứng khoán thuộc diện tái cấu trúc có 3 công ty chứng khoán thuộc ngân hàng là Chứng khoán Sacombank (SBS), Chứng khoán Liên Việt và Chứng khoán MIIB. Hiện Chứng khoán Sacombank đang bị kiểm soát đặc biệt, Chứng khoán MHB bị kiểm soát còn Chứng khoán Liên Việt đã không còn hoạt động môi giới.

STT	Tên CTCK	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tình trạng hoạt động
1	Liên Việt	125,000	Không còn hoạt động môi giới (đã chấm dứt tư cách thành viên)
2	Dông Dương	125,000	Rút nghiệp vụ MGCK
3	Ấn Việt	360,000	Rút nghiệp vụ MG, TD, TVĐT; Đang làm thủ tục giải thể
4	Trường Sơn	41,000	Chăm dứt mọi hoạt động kinh doanh được cấp phép để thực hiện thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
5	Hà Nội	50,000	Chăm dứt mọi hoạt động kinh doanh được cấp phép để thực hiện thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
6	Delta	40,000	Chăm dứt mọi hoạt động kinh doanh được cấp phép để thực hiện thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
7	Chợ Lớn	90,000	Đang làm thủ tục giải thể
8	Sao Việt	135,000	Rút nghiệp vụ MG. Đang làm thủ tục giải thể
9	SME	235,000	Rút nghiệp vụ môi giới. Tạm ngừng hoạt động
10	Golden Bridge	135,000	Không còn hoạt động môi giới (đã ngừng hoạt động giao dịch để thực hiện thủ tục chấm dứt tư cách thành viên)
11	CIMB Vinashin	333,340	Kiểm soát
12	MHB	170,000	Kiểm soát
13	Quốc Gia	50,000	Kiểm soát
14	Tonkin	150,000	Kiểm soát
15	Artex	135,000	Kiểm soát đặc biệt
16	Hồng Bàng	50,000	Kiểm soát đặc biệt
17	Mé Kông	100,000	Kiểm soát đặc biệt
18	Sacombank	1,126,660	Kiểm soát đặc biệt
19	Tràng An	139,000	Đình chỉ hoạt động
20	Thủ Đức	75,736	Kiểm soát. Rút nghiệp vụ môi giới

Nguồn: SSC

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Năm 2014, VN-Index sẽ có nhiều đợt sóng hơn năm 2013, giá trị và khối lượng giao dịch sẽ tăng... Dự báo năm 2014 thị trường chứng khoán sẽ phát triển bền vững hơn mạnh mẽ hơn so với năm 2013.

Năm 2014 và trong tương lai SJCS sẽ tiếp tục nỗ lực phát huy những điểm mạnh và tận dụng mọi cơ hội củng cố vị thế của mình trên thị trường chứng khoán, từng bước thực hiện mục tiêu trở thành “ Công ty chứng khoán có chất lượng dịch vụ tốt nhất”.

Với chiến lược trung và dài hạn, SJCS quán triệt định hướng sẽ đồng hành cùng khách hàng thông qua chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp và công nghệ hiện đại nhằm đem lại hiệu quả đầu tư tối ưu cho khách hàng với cam kết cùng phát triển bền vững.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

❖ Các chỉ tiêu cơ bản

Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với quyết định 206/2003/QĐ-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 12/12/2003.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	: 06 năm
- Máy móc, thiết bị	: 03 năm
- Phương tiện vận tải	: 03 - 06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	: 03 - 06 năm
- Các tài sản khác	: 03 - 05 năm
- Phần mềm kế toán	: 05 năm

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

Các khoản phải nộp cho nhà nước được thực hiện đúng theo Luật định. Tại 31/12/2013 Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013
1	Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết - CTCP Kinh doanh và Đầu tư vàng Việt Nam – 100.000 cổ phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng		1.000.000.000	1.000.000.000

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty đến thời điểm 31/12/2013 có giá trị 1.000.000.000 đồng, Công ty chưa trích lập dự phòng do Công ty không xác định được đầy đủ và chính xác thông tin mã cổ phiếu này trên thị trường, do vậy Công ty không có cơ sở để

trích lập dự phòng. Công ty đã sử dụng giá gốc để phản ánh giá trị chứng khoán chưa niêm yết trên sổ sách kế toán.

Các khoản phải thu tại ngày 31/12/2011 và 31/12/2013

Khoản mục	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
Phải thu khách hàng	935.426.763	379.132.051	18.032.762
Trả trước cho người bán	6.894.080.000	8.116.920.000	7.727.757.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	37.230.666.882	37.405.785.976	37.669.784.003
Các khoản phải thu khác	33.992.311.853	5.719.863.463	9.452.341.182
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.127.415.721)	(5.553.856.091)	(7.690.447.114)
Tổng cộng	76.925.069.777	46.067.845.399	47.177.467.833

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011-2013 của SJCS

Các khoản phải trả tại ngày 31/12/2011 và 31/12/2013

Khoản mục	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
I. Nợ ngắn hạn	42.806.662.540	19.558.842.823	16.410.069.277
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	593.121.805
Phải trả người bán	72.348.576	72.348.576	72.348.576
Người mua trả tiền trước	150.025.546	102.309.991	85.809.991
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	823.236.260	59.500.148	312.693.833
Phải trả người lao động	155.000.000	20.000.000	72.784.188
Chi phí phải trả	226.860.000	545.384.000	316.286.970
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	51.681.655	48.554.894	70.002.254
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	301.816.108	362.719.296	378.928.652
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(275.213.595)	(275.213.595)	(275.213.595)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	41.300.907.990	18.623.239.513	14.783.306.603
II. Nợ dài hạn	0	0	0
Tổng cộng	42.806.662.540	19.558.842.823	16.410.069.277

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011- 2013 của SJCS

Chi tiết Thuế và khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

STT	Chi tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
1	Thuế GTGT	6.237.823	2.329.095	245.430

2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(84.829.840)	(84.829.840)	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	816.998.437	57.171.053	312.448.403
4	Các loại thuế khác	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011- 2013 của SJCS

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước	Năm nay
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	92,71%	91,24%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	7,29%	8,76%
Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	32%	29,66%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68%	70,34%
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	2,9	3,07
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,9	3,07
Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	(0,86)	(0,37)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	(0,86)	(0,37)
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	(0,11)	(0,05)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	(0,11)	(0,05)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	(0,16)	(0,68)

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của các năm báo cáo

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Bookvalue (đồng/cp)	10.070	10.450	9.143	7.842	7.341

Biến động của vốn chủ sở hữu năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.000.000.000	-	-	53.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-

3. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
6. LN sau thuế chưa phân phối	(11.435.835.199)	-	2.654.553.066	(14.090.388.265)
Cộng	41.564.164.801	-	2.654.553.066	38.909.611.735

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 của SJCS

Tổng số cổ phiếu theo từng loại

Tính đến thời điểm 31/12/2013, vốn điều lệ của Công ty là 53 tỷ đồng tương đương với số cổ phiếu đang lưu hành là 5.300.000 cổ phiếu. Toàn bộ số lượng cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành từng loại

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 5.300.000 cổ phiếu (phổ thông).

Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không có.

Cổ tức

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Cổ tức	10%	2,5%	0%	0%	0%

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

SJCS đã nỗ lực tăng doanh thu và kiểm soát tốt chi phí làm cho chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2013 giảm so với năm 2012. Đây là nguyên nhân chính khiến SJCS bớt lỗ so với năm 2012.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm hiện đại, bảo mật cao cùng với hệ thống giao dịch trực tuyến có nhiều tiện ích, nâng cao năng lực hệ thống máy móc thiết bị, hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý và cung cấp các dịch vụ về chứng khoán có chất lượng ưu việt.
- Ban lãnh đạo công ty đã tái cấu trúc công ty theo hướng gọn nhẹ, linh hoạt hơn và chú trọng đẩy mạnh việc phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu để đón đầu các đợt sóng mới của thị trường.
- Năm 2013 cũng là năm công ty kiểm soát rất chặt chẽ các yếu tố rủi ro có thể phát sinh.

4. Kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2014

❖ Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Mạng lưới khách hàng: Với mục tiêu mở rộng mạng lưới khách hàng tại những tỉnh thành có tiềm năng, SJCS dự kiến sẽ mở rộng thêm nhiều chi nhánh, phòng giao dịch tại các tỉnh thành trong thời gian tới.

Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại: Từ khi mới thành lập, công ty đã xác định việc đầu tư vào Công nghệ thông tin là mục tiêu hàng đầu. Một mặt đáp ứng yêu cầu về quản lý của Công ty; Mặt khác đáp ứng nhu cầu chất lượng ngày càng cao của khách hàng.

Con người: SJCS quan niệm rằng, con người là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp nên Công ty luôn có những chính sách nhân sự đúng đắn, phù hợp giúp SJCS thu hút được những chuyên viên tài chính có trình độ, kinh nghiệm và tâm huyết gắn bó với công ty, giúp Công ty duy trì được bộ máy nhân sự ổn định tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các nghiệp vụ để phục vụ ngày một tốt hơn khách hàng cũ và thu hút khách hàng tiềm năng.

❖ Định hướng phát triển của Công ty

Chiến lược vốn

Với mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán có chất lượng dịch vụ tốt nhất tại Việt Nam. Vốn hoạt động là một vấn đề vô cùng quan trọng góp phần đưa công ty đến gần mục tiêu, do đó, SJCS đang có lộ trình tăng vốn lên 150 tỷ và 300 tỷ sắp tới. Trong chiến lược xây dựng cấu trúc vốn tương lai, SJCS luôn cân nhắc, tính toán các phương án nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn cổ đông cao nhất và chi phí sử dụng vốn thấp nhất.

Mạng lưới

Ngoài việc mở thêm chi nhánh, phòng giao dịch độc lập trực thuộc SJCS, SJCS cũng có chiến lược hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước để phát triển SJCS theo hướng đa dạng đối tác, đa dạng sản phẩm.

Công nghệ

Công nghệ được coi là yếu tố được ưu tiên phát triển tại SJCS. SJCS hiện đang triển khai phát triển và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, có độ tương thích cao với hai Sở, đảm bảo cung cấp các công cụ hữu hiệu cho các hoạt động giao dịch – bao gồm: Giao dịch trực tuyến, Dịch vụ nhắn tin SMS, Chương trình Quản lý giao dịch, Quản lý đầu giá, Đăng ký mở tài khoản trực tuyến, Đăng ký Rút tiền qua Internet, Quản lý nhân sự, Quản lý tài sản, Quản lý rủi ro, Kế toán, Quản lý hồ sơ khách hàng, Website, đăng ký thực hiện quyền, thông tin thị trường, lệnh nâng cao .v.v... SJCS cũng đang đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch nhằm mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng.

Nhân sự

SJCS xác định việc phát triển nguồn lực là một trong những yếu tố cơ bản đảm bảo sự thành công cho công ty trong tương lai. SJCS phát triển chiến lược nhân sự linh hoạt nhằm thu hút được những cá nhân xuất sắc tham gia và gắn bó lâu dài với công ty. Chiến lược nhân sự của công ty có thể được tóm tắt bao gồm việc tuyển dụng đa kênh nhằm tìm kiếm vào những cá nhân có năng lực và phẩm chất đạo đức phù hợp, trọng dụng và mạnh dạn phân quyền cho các cá nhân được tuyển dụng và chính sách đãi ngộ thích hợp, bao gồm cả việc chia sẻ lợi nhuận hoạt động nhằm khuyến khích và giữ chân các bộ có năng lực.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	06 – 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	12 – 13
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i>	14
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	15 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SJCS (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Khái quát

Công ty Cổ phần Chứng khoán SJCS là công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép số 97/UBCK-GP ngày 04 tháng 09 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau:

- Quyết định số 29/UBCK-GCN ngày 04 tháng 09 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc lưu ký chứng khoán cho tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và được tham gia về hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán tại trung tâm lưu ký chứng khoán.
- Giấy chứng nhận số 98/GCNTVLK ngày 25 tháng 09 năm 2008 của Giám đốc trung tâm lưu ký chứng khoán về việc chứng nhận Công ty là thành viên lưu ký chứng khoán.
- Giấy phép cung cấp Giao dịch Trực tuyến theo Quyết định số 893/QĐ-UBCK ngày 11/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 03/04/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Bà Huỳnh Thị Bích Ngân	Chủ tịch
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Quang Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Trang	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Cúc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Mỹ Hạnh	Trưởng ban
Bà Hồ Lệ Hoài Mai	Thành viên
Bà Phan Ngọc Đan Phương	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2014



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

Số: 120/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo Tài chính năm 2013
 của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC, được lập ngày 24/03/2014, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**



Nguyễn Minh Tiến

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Kiểm toán viên



Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2013-152-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.472.782.542	56.665.185.944
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.701.854.187	8.877.640.245
1. Tiền	111		1.701.854.187	8.877.640.245
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.177.467.833	46.067.845.399
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	18.032.762	75.464.387
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	7.727.757.000	8.116.920.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	V.6	37.669.784.003	28.054.969.244
5. Các khoản phải thu khác	138	V.7	9.452.341.182	15.374.347.859
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.690.447.114)	(5.553.856.091)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		593.460.522	719.700.300
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.785.992	92.188.297
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	84.829.840	84.829.840
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	494.844.690	542.682.163
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.846.898.470	4.457.821.680
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.574.262.640	2.601.990.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	711.875.322	882.282.864
- Nguyên giá	222		9.076.531.550	9.101.107.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.364.656.228)	(8.218.824.916)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	1.362.387.318	1.712.668.014
- Nguyên giá	228		4.173.438.500	4.173.438.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.811.051.182)	(2.460.770.486)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	500.000.000	7.040.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.272.635.830	1.855.830.802
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	234.141.622	98.582.549
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.15	2.038.494.208	1.757.248.253
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.319.681.012	61.123.007.624

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.410.069.277	19.558.842.823
1. Nợ ngắn hạn	310		16.410.069.277	19.558.842.823
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	593.121.805	-
2. Phải trả người bán	312		72.348.576	72.348.576
3. Người mua trả tiền trước	313		85.809.991	102.309.991
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	312.693.833	59.500.148
5. Phải trả người lao động	315		72.784.188	20.000.000
6. Chi phí phải trả	316	V.18	316.286.970	545.384.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	14.783.306.603	18.623.239.513
10. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		70.002.254	48.554.894
11. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		378.928.652	362.719.296
12. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
16. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(275.213.595)	(275.213.595)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.909.611.735	41.564.164.801
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	38.909.611.735	41.564.164.801
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		53.000.000.000	53.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(14.090.388.265)	(11.435.835.199)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.319.681.012	61.123.007.624

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
6. Chứng khoán lưu ký	006	151.285.330.000	153.209.960.000
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	136.646.600.000	136.292.350.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	-
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	136.646.600.000	136.292.350.000
6.2 Chứng khoán ngừng giao dịch	012	50.000.000	13.710.000
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	50.000.000	13.710.000
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	-	3.700.000.000
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	3.700.000.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	14.343.200.000	13.153.900.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	14.343.200.000	13.153.900.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	245.530.000	50.000.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	245.530.000	50.000.000

Người lập biểu

Phụ trách phòng Kế toán

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Hiền

Phạm Thị Hiền

Huỳnh Anh Tuấn

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS

Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

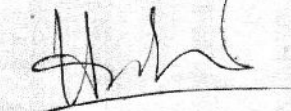
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.208.493.809	7.729.989.646
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.919.411.068	4.152.004.124
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	01.5		3.516.913.793	3.095.433.978
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		772.168.948	482.551.544
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		7.208.493.809	7.729.989.646
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.1	2.113.879.894	4.181.212.701
5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh	20		5.094.613.915	3.548.776.945
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.2	7.974.886.870	11.050.878.716
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.880.272.955)	(7.502.101.771)
8. Thu nhập khác	31	VI.3	562.801.723	1.214.542.941
9. Chi phí khác	32	VI.4	337.081.834	331.736.236
10. Lợi nhuận khác	40		225.719.889	882.806.705
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.654.553.066)	(6.619.295.066)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.654.553.066)	(6.619.295.066)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(501)	(1.249)

Người lập biểu

Phụ trách phòng Kế toán

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Hiền

Phạm Thị Hiền

Huỳnh Anh Tuấn

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			(2.654.553.066)	(6.619.295.066)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		687.304.744	1.712.200.980
- Các khoản dự phòng	03		2.136.591.023	3.426.440.370
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(138.624.007)	(232.735.541)
- Chi phí lãi vay	06		283.582.542	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		314.301.236	(1.713.389.257)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.198.375.984)	27.815.793.563
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.969.089.561)	(23.511.804.243)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(57.156.768)	191.866.721
- Tiền lãi vay đã trả	13		(283.582.542)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		229.130.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(203.330.000)	(21.030.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.168.103.619)	2.761.436.784
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(749.656.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		49.545.458	18.085.750
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		99.306.298	259.152.817
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(600.804.244)	277.238.567

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS

Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9.737.575.849	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.144.454.044)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		593.121.805	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7.175.786.058)	3.038.675.351
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.877.640.245	5.838.964.894
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.701.854.187	8.877.640.245

Người lập biểu

Phụ trách phòng Kế toán




Phạm Thị Hiền

Phạm Thị Hiền

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2014



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	Năm nay 01/01/2013	Năm trước 01/01/2012	Năm nay Tăng	Năm trước Giảm	Năm nay 31/12/2013	Năm trước 31/12/2012
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.000.000.000	53.000.000.000	-	-	53.000.000.000	53.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	(11.435.835.199)	(4.816.540.133)	-	-	(14.090.388.265)	(11.435.835.199)
(*)						
Cộng	41.564.164.801	48.183.459.867	-	-	38.909.611.735	41.564.164.801

(*) Lợi nhuận chưa phân phối:

- Giám trong năm 2012 là do kết quả hoạt động kinh doanh trong năm bị lỗ.
- Giám trong năm 2013 là do kết quả hoạt động kinh doanh trong năm bị lỗ.

Người lập biểu

(Signature)

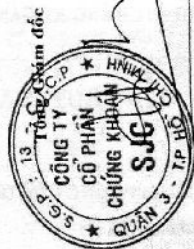
Phạm Thị Hiền

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Phụ trách phòng Kế toán

(Signature)

Phạm Thị Hiền



Huỳnh Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC là công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép số 97/UBCK-GP ngày 04 tháng 09 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau

- Quyết định số 29/UBCK-GCN ngày 04 tháng 09 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước về việc lưu ký chứng khoán cho tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và được tham gia về hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán tại trung tâm lưu ký chứng khoán
- Giấy chứng nhận số 98/GCNTVLK ngày 25 tháng 09 năm 2008 của Giám đốc trung tâm lưu ký chứng khoán về việc chứng nhận Công ty là thành viên lưu ký chứng khoán.
- Giấy phép cung cấp Giao dịch Trực tuyến theo Quyết định số 893/QĐ-UBCK ngày 11/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 03/04/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và thông tư 162/2010/TT-BTC hướng dẫn bổ sung, sửa đổi thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS

Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Kế toán trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải	03-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm
- Phần mềm máy tính	08 năm

Trong kỳ Công ty điều chỉnh khung khấu hao của tài sản cố định là xe ô tô Mercedes-Benz từ 06 năm thành 10 năm và phần mềm chứng khoán từ 05 năm thành 08 năm làm cho khấu hao trong kỳ giảm 646.794.948 đồng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2013 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn được đánh giá giá trị hợp lý theo giá trị ghi sổ.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu
Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC

Số 233 V8 Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

9. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

10. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả trước, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

11. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	37.779.763	4.462.210
Tiền gửi ngân hàng	1.634.845.657	8.184.371.574
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	29.228.767	688.806.461
Cộng	1.701.854.187	8.877.640.245

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch VND
a) Của công ty chứng khoán	-	-
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b) Của nhà đầu tư	180.509.427	1.851.462.642.000
- Cổ phiếu	180.509.427	1.851.462.642.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
Cộng	180.509.427	1.851.462.642.000

3. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn của Công ty đến ngày 31/12/2013 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá theo sổ kế toán VND	Giá thị trường VND	Tổng giá trị theo giá thị trường VND
Đầu tư cổ phiếu				
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	100.000	10.000	-	1.000.000.000
- Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Vàng Việt Nam	100.000	10.000	-	1.000.000.000
Cộng	100.000	10.000	-	1.000.000.000

(*) Ghi chú: Giá trị thị trường của chứng khoán không xác định được, giá trị thị trường được trình bày theo giá trị ghi sổ kế toán do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Phải thu khách hàng

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu phí ứng trước tiền bán, cầm cố	16.139.422	21.457.822
Phải thu phí hoạt động giao dịch ký quỹ	1.893.315	28.386.494
Khoản phải thu khách hàng khác	25	25.620.071
Cộng	18.032.762	75.464.387

5. Trả trước cho người bán

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Phúc Khang (phần mềm chứng khoán)	6.126.720.000	6.516.920.000
Hồ Đức Toàn	1.600.000.000	1.600.000.000
Khoản trả trước cho người bán khác	1.037.000	-
Cộng	7.727.757.000	8.116.920.000

6. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng mua	13.140.633.750	6.291.807.065
Phải thu khách hàng bán	38.448.753	22.209.855
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	8.640.338.000	6.854.658.000
Phải thu hoạt động giao dịch ký quỹ	15.850.363.500	14.886.294.324
Cộng	37.669.784.003	28.054.969.244

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu nhà đầu tư về chứng khoán cầm cố tại Ngân hàng (thu - chi hộ)	-	5.550.000.000
Phải thu Trường Viễn Đông	29.660.082	38.660.082
Các khoản phải thu khác	9.422.681.100	9.785.687.777
- Phải thu Trần Quốc Dũng	1.081.857.240	1.081.857.240
- Phải thu Trần Quang Duy	393.783.390	393.783.390
- Phải thu Nguyễn Văn Tân	730.139.360	1.013.078.365
- Phải thu Lê Ngọc Liên	403.500.000	403.500.000
- Phải thu Nguyễn Thị Hồng Vân	846.000.000	846.000.000
- Phải thu Lê Quốc Tuấn	585.000.000	585.000.000
- Phải thu Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	4.225.831.441	4.234.331.441
- Phải thu Nguyễn Thị Đào	205.138.500	205.138.500
- Phải thu Nguyễn Văn Đồng	236.784.446	193.790.250
- Phải thu Lê Thị Mươi	193.790.250	253.684.446
- Các khoản phải thu khác	520.856.473	575.524.145
Cộng	9.452.341.182	15.374.347.859

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Các khoản phải thu

Chi tiêu	01/01/2013		Số phát sinh trong kỳ		31/12/2013		Số dự phòng đã lập	
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi
1. Phải thu của khách hàng	75.464.387	-	-	5.120.542.811	5.177.974.436	18.032.762	-	-
2. Trả trước cho người bán	8.116.920.000	-	-	840.534.103	1.229.697.103	7.727.757.000	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	28.054.969.244	-	-	2.674.615.196.852	2.665.000.382.093	37.669.784.003	2.647.232.061	-
4. Phải thu khác	15.374.347.859	11.959.236.033	5.553.856.091	54.640.216.659	60.562.223.336	9.452.341.182	9.346.145.391	7.690.447.114
Cộng	51.621.701.490	11.959.236.033	5.553.856.091	2.735.216.490.425	2.731.970.276.968	54.867.914.947	11.993.377.452	7.690.447.114

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.829.840	84.829.840
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	84.829.840	84.829.840

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	329.464.690	351.502.163
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	165.380.000	191.180.000
Cộng	494.844.690	542.682.163

CÔNG
TY
CHỨNG
KHOÁN
SJCS

CÔNG
TY
CHỨNG
KHOÁN
SJCS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dùng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>						
<i>hữu hình</i>						
Số dư đầu năm	544.598.392	5.451.406.396	1.414.162.546	1.572.830.646	118.109.800	9.101.107.780
Số tăng trong kỳ	-	256.696.000	-	16.896.000	17.648.928	291.240.928
- Mua sắm mới	-	256.696.000	-	16.896.000	17.648.928	291.240.928
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	267.861.030	47.956.128	315.817.158
- Chuyển sang CCDC	-	-	-	44.000.000	-	44.000.000
- Giảm khác	-	-	-	206.965.030	47.956.128	254.921.158
Số dư cuối kỳ	544.598.392	5.708.102.396	1.414.162.546	1.321.865.616	87.802.600	9.076.531.550
<i>Giá trị đã hao mòn</i>						
Số dư đầu năm	393.321.079	5.430.372.370	1.039.541.864	1.254.824.397	100.765.006	8.218.824.916
Khấu hao trong kỳ	90.766.404	40.286.028	66.109.536	139.862.080	-	337.024.048
Giảm trong kỳ	-	-	-	178.230.330	12.962.406	191.192.736
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	39.111.104	-	39.111.104
- Chuyển sang CCDC	-	-	-	139.119.226	12.962.406	152.081.632
Số dư cuối kỳ	484.087.483	5.470.658.398	1.105.651.400	1.216.456.147	87.802.600	8.364.656.228
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình</i>						
Tại ngày đầu năm	151.277.313	21.033.826	374.620.682	318.006.249	17.344.794	882.282.864
Tại ngày cuối kỳ	60.510.909	237.443.798	308.511.146	105.409.469	-	711.875.322

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.687.409.945 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm	Máy tính
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	4.173.438.500	
Số tăng trong kỳ	-	
Số giảm trong kỳ	-	
Số dư cuối kỳ	4.173.438.500	
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2.460.770.486	
Số tăng trong kỳ	350.280.696	
Số giảm trong kỳ	-	
Số dư cuối kỳ	2.811.051.182	
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.712.668.014	
Tại ngày cuối kỳ	1.362.387.318	

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Mua sắm tài sản cố định	500.000.000	-
- Phần mềm chứng khoán	500.000.000	-
- Tài sản khác	-	-
Sửa chữa văn phòng	-	7.040.000
Cộng	500.000.000	7.040.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	198.639.415	52.748.776
Chi phí khác chờ phân bổ	35.502.207	45.833.773
Cộng	234.141.622	98.582.549

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS

Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
15. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	1.714.637.660	1.466.529.301
Tiền lãi phân bổ hàng năm	203.856.548	170.718.952
Cộng	2.038.494.208	1.757.248.253

16. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	593.121.805	-
- Vay Bà Huỳnh Thị Út	300.000.000	-
- Vay Bà Trần Ngọc Hoa	190.000.000	-
- Vay Bà Hồ Sĩ Tường Trình	103.121.805	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	593.121.805	-

(*) Chi tiết vay ngắn hạn cá nhân như sau:

- Vay Bà Huỳnh Thị Út theo Hợp đồng vay vốn số 41HĐVV/SJCS/2013 ngày 05/12/2013, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất vay 13%/năm.
- Vay Bà Trần Ngọc Hoa theo Hợp đồng vay vốn số 42HĐVV/SJCS/2013 ngày 09/12/2013, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất vay 13%/năm.
- Vay Bà Hồ Sĩ Tường Trình theo Hợp đồng vay vốn số 43HĐVV/SJCS/2013 ngày 11/12/2013, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất vay 12%/năm.

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	245.430	2.329.095
Thuế thu nhập cá nhân	312.448.403	57.171.053
Cộng	312.693.833	59.500.148

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí bảo trì phần mềm	154.560.000	154.560.000
Chi phí thuê văn phòng, tiền điện, dịch vụ văn phòng	100.713.380	353.824.000
Chi phí phải trả khác	61.013.590	37.000.000
Cộng	316.286.970	545.384.000

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	68.047.888	64.255.180
Bảo hiểm xã hội	2.432.668	34.991.151
Cổ tức phải trả	72.333.125	72.333.125
Khoản phải trả cho người bán chứng khoán vào ngày T	12.367.898.000	11.921.402.000
Phải trả Ngân hàng An Bình khoản ứng trước tiền bán của nhà đầu tư (thu - chi hộ)	1.301.638.000	-
Phải trả Ngân hàng về chứng khoán cầm cố (thu - chi hộ)	-	5.550.000.000
Phải trả EVN phí chuyển nhượng	85.250.119	85.250.119
Cổ tức thu hộ phải trả nhà đầu tư	798.217.115	796.405.737
Các khoản phải trả, phải nộp khác	87.489.688	98.602.201
Cộng	14.783.306.603	18.623.239.513

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.000.000.000	-	-	53.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
3. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
6. LN sau thuế chưa phân phối	(11.435.835.199)	-	2.654.553.066	(14.090.388.265)
Cộng	41.564.164.801	-	2.654.553.066	38.909.611.735

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	%	01/01/2013 VND	%
Công ty Cổ phần Thanh Niên	150.000.000	0,28%	150.000.000	0,28%
Bà Huỳnh Thị Bích Ngân	5.290.000.000	9,98%	5.290.000.000	9,98%
Ông Huỳnh Anh Tuấn	2.764.400.000	5,22%	2.764.400.000	5,22%
Bà Nguyễn Thị Hồng Trang	2.644.700.000	4,99%	2.644.700.000	4,99%
Các cổ đông khác	42.150.900.000	79,53%	42.150.900.000	79,53%
Cộng	53.000.000.000	100%	53.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	53.000.000.000	53.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	53.000.000.000	53.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.300.000	5.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.300.000	5.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.300.000	5.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.300.000	5.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.300.000	5.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	708.712.503	960.697.851
Chi phí hoạt động tư vấn	-	5.301.000
Chi phí thuê văn phòng	712.519.380	2.123.652.862
Chi phí khác	692.648.011	1.091.560.988
Cộng	2.113.879.894	4.181.212.701

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	3.929.943.348	4.861.608.889
Chi phí công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm	114.165.568	39.156.384
Chi phí khấu hao	824.704.859	1.831.466.956
Thuế, phí lệ phí	3.244.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	2.136.591.023	3.426.440.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	467.373.267	133.275.897
Chi phí bằng tiền khác	498.864.805	753.930.220
Cộng	7.974.886.870	11.050.878.716

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	1.176.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	99.306.298	259.152.817
Thu nhập từ giao dịch sửa lỗi	-	95.887.240
Thu phạt chậm thanh toán	158.898.010	566.815.801
Thu thanh lý TSCĐ, CCDC	49.545.458	18.085.750
Thu nhập khác	255.051.957	273.425.333
Cộng	562.801.723	1.214.542.941

4. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	5.338.853	44.503.026
Chi phí lãi vay	283.582.542	-
Chi phí khác	48.160.439	287.233.210
Cộng	337.081.834	331.736.236

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.654.553.066)	(6.619.295.066)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	146.605.919	373.754.273
- Các khoản điều chỉnh tăng	146.605.919	446.054.273
+ Chi phí không chứng từ	90.605.919	446.054.273
+ Các khoản điều chỉnh tăng khác	56.000.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	72.300.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	72.300.000
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.507.947.147)	(6.245.540.793)
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJCS **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.654.553.066)	(6.619.295.066)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.654.553.066)	(6.619.295.066)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.300.000	5.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(501)	(1.249)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.311.148.376	1.427.055.197

Trong kỳ, Công ty không có phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan.

Cho đến cuối kỳ, không còn các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2.1 Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

2.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực môi giới chứng khoán.
- Lĩnh vực tư vấn đầu tư.
- Lĩnh vực kinh doanh khác.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

	Hoạt động môi giới	Hoạt động tư vấn	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần	2.919.411.068	3.516.913.793	772.168.948	7.208.493.809
Chi phí trực tiếp	958.821.143	1.155.058.751	-	2.113.879.894
Các chi phí phân bổ	3.229.797.182	3.890.825.237	854.264.451	7.974.886.870
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.269.207.257)	(1.528.970.195)	(82.095.503)	(2.880.272.955)
Thu nhập khác	-	-	562.801.723	562.801.723
Chi phí khác	-	-	337.081.834	337.081.834
Lợi nhuận trước thuế	(1.269.207.257)	(1.528.970.195)	143.624.386	(2.654.553.066)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.269.207.257)	(1.528.970.195)	143.624.386	(2.654.553.066)

(*) **Ghi chú:** Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác cũng như giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
Số 233 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính	Số liệu 31/12/2012		Số liệu 31/12/2012 (Phân loại lại)				Tăng/(giảm)		
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi
V.8. Các khoản phải thu									
Phải thu khách hàng	379.132.051	-	-	75.464.387	-	-	(303.667.664)	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	37.405.785.976	11.959.236.033	5.553.856.091	28.054.969.244	-	-	(9.350.816.732)	(11.959.236.033)	(5.553.856.091)
Các khoản phải thu khác	5.719.863.463	-	-	15.374.347.859	11.959.236.033	5.553.856.091	9.654.484.396	11.959.236.033	5.553.856.091

Người lập biểu



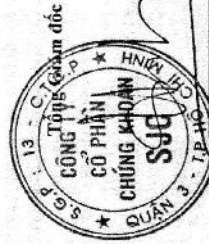
Phạm Thị Hiền

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Phụ trách phòng Kế toán



Phạm Thị Hiền

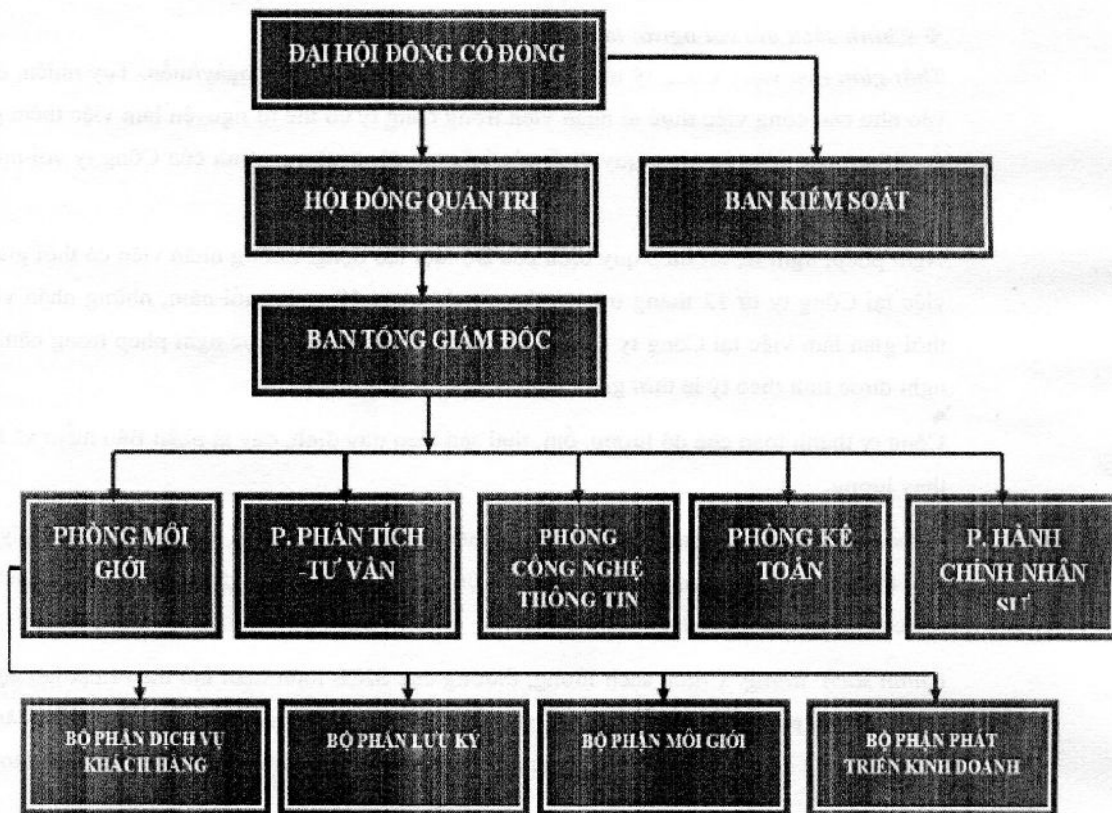


Huỳnh Anh Tuấn



V. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

❖ Cơ cấu tổ chức của công ty



❖ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính tới thời điểm hiện nay số lượng cán bộ, nhân viên của SJCS là 20 người. Trên 90% cán bộ nhân viên của Công ty có trình độ đại học trở lên và đã được đào tạo qua các lớp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán do UBCKNN tổ chức.

Cơ cấu nhân sự tính tới 31/12/2013

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và Trên đại học	18	90%
2	Khác	2	10%
	Tổng	20	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán SJCS)

❖ **Chính sách đối với người lao động:**

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 5 ngày/tuần. Tuy nhiên, căn cứ vào nhu cầu công việc thực tế nhân viên trong công ty có thể tự nguyện làm việc thêm giờ và được hưởng quyền lợi theo quy định của luật lao động và quy định của Công ty với mức đãi ngộ thỏa đáng.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết theo quy định của Bộ luật lao động, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được nghỉ được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

Công ty thanh toán chế độ lương, ốm, thai sản theo quy định, đây là phần Bảo hiểm xã hội trả thay lương.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết và xây dựng môi trường làm việc năng động tạo điều kiện cho các nhân viên gắn bó và phát huy hết năng lực của mình cho Công ty.

Chính sách lương: Chính sách lương, thưởng của SJCS luôn tuân thủ theo Luật lao động và các văn bản pháp luật liên quan. Quy chế này được xây dựng dựa trên tinh thần dân chủ, minh bạch và công bằng nhằm khuyến khích người lao động phát huy tinh thần sáng tạo trong tác nghiệp.

$$\text{Lương của người lao động} = \text{Lương cơ bản} + \text{Lương kinh doanh} + \text{Lương phụ cấp}$$

Mức lương cơ bản được xác định bằng hệ số lương cơ bản nhân với mức lương tối thiểu. Hệ số lương cơ bản được xét duyệt tùy theo trình độ học vấn, chức vụ, thời gian làm việc...

Lương kinh doanh được tính dựa trên đặc thù của công việc là hỗ trợ hay kinh doanh trực tiếp và được quy định cụ thể trong hệ thống thang lương, bảng lương của công ty.

Lương phụ cấp bao gồm tiền lương làm thêm giờ; tiền thưởng vì có thành tích trong công tác tốt và mang lại hiệu quả kinh doanh cho công ty, phụ cấp ăn trưa.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo: Xác định được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong lĩnh vực hoạt động tài chính công ty luôn chú trọng tới việc tìm kiếm tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm. Quy trình tuyển dụng của SJCS được xây dựng chặt chẽ và khoa học phù hợp với quy chế hoạt động của công ty. Bên cạnh việc đăng tải thông tin tuyển dụng rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo chí, website, các tổ chức tư vấn tuyển dụng chuyên nghiệp... Nhờ vậy, SJCS đã xây dựng được cho mình một đội ngũ nhân viên có trình độ, kinh nghiệm, nhiệt huyết với nghề.

Bên cạnh vấn đề tuyển dụng nhân sự công ty cũng rất coi trọng công tác đào tạo cán bộ, nhân viên. Cụ thể: Tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa học nâng cao nghiệp vụ, tự đào tạo nội bộ, học hỏi từ các công ty đầu ngành, cập nhật những kiến thức mới và tìm hiểu TTCK các nước trong khu vực..v.v. trong đó chú trọng hình thức đào tạo theo công việc thực tế để đáp ứng yêu cầu ngày càng chuyên sâu về nghiệp vụ của từng phòng ban. Có thể khái quát như sau:

- Kỹ năng giao tiếp với khách hàng.
- Kỹ năng thuyết trình.
- Kỹ năng chăm sóc khách hàng.
- Phương pháp phân tích và nhận định thị trường.

❖ Ban điều hành



✓ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2013 như sau:

Bà Huỳnh Thị Bích Ngân	Chủ tịch	Thông qua ngày 23.1.2010
------------------------	----------	--------------------------

Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	Thông qua ngày 23.1.2010
--------------------	------------	--------------------------

Bà Nguyễn Hồng Trang	Thành viên	Thông qua ngày 23.1.2010
Ông Phạm Quang Anh	Thành viên	Thông qua ngày 23.1.2010
Bà Nguyễn Kim Cúc	Thành viên	Thông qua ngày 30.07.2010

Bà Huỳnh Thị Bích Ngân _ Chủ tịch HĐQT

Bà Ngân là người sáng lập SJCS.

Ông Huỳnh Anh Tuấn _ Thành viên HĐQT

Ông Huỳnh Anh Tuấn đã tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế TP.HCM, chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng và Đại học Luật TP.HCM. Ngoài ra, ông Tuấn còn được cấp các chứng nhận và chứng chỉ hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt nam.

Trước khi tham gia thành lập Công ty CP Chứng khoán SJC, ông Huỳnh Anh Tuấn là Trợ lý Tổng Giám đốc của Công ty TNHH MTV Chứng khoán ACB, kiêm Giám đốc Chi nhánh Thị Nghè của Công ty TNHH MTV Chứng khoán ACB. Với nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán Việt nam, ông Tuấn được biết đến như một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm và thành đạt. Ông Tuấn đã từng tư vấn cho hàng loạt các tổ chức, đem lại hiệu quả đầu tư cao.

Bà Nguyễn Hồng Trang _ Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Hồng Trang tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP. HCM chuyên ngành Ngoại thương, Thạc sỹ Kinh tế phát triển tại Viện Khoa học Xã hội The Hague-Hà lan. Bà đã tham gia thành công cuộc thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.

Trước khi tham gia thành lập Công ty CP Chứng khoán SJC, bà đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – đầu tư. Bà đã giữ các chức vụ Phó Trưởng phòng Kinh tế và Phó Trưởng phòng Xúc tiến đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM, chịu trách nhiệm thẩm định và đề xuất Ủy Ban nhân dân Thành phố phê duyệt các dự án đầu tư quy mô lớn của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Sau đó bà Trang gia nhập Công ty CP Chứng khoán Gia Quyền với vị trí Giám đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp, đã tiến hành thành công một loạt hợp đồng tư vấn cổ phần hóa, tái cấu trúc doanh nghiệp, tăng vốn, tư vấn phát hành trái phiếu ... cho các công ty thành viên của Tập đoàn Dệt May (như Tổng Công ty Phong Phú, Dệt Nam Định...), Công ty Tín nghĩa, Công ty cổ phần Sài Gòn Sân bay (SGA), Công ty Lạc Việt

Ông Phạm Quang Anh _ Thành viên HĐQT

Ông Phạm Quang Anh tham gia công tác tài chính từ năm 1997. Trước khi gia nhập SJCS, ông Phạm Quang Anh từng giữ các chức vụ Phó Giám đốc công ty kiểm toán DNP, Phó Tổng Giám đốc công ty Ngọc Phong. Ngoài ra, ông Phạm Quang Anh còn tham gia nhiều công tác tư vấn cho nhiều tổ chức trong và ngoài nước. Ông Phạm Quang Anh tốt nghiệp cao học kinh tế năm 2003.

Hoạt động của HĐQT

Hàng năm, Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường thông qua hình thức họp trực tiếp tại văn phòng công ty, trao đổi bằng email, bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi với nhau để thông báo, thảo luận về tình hình hoạt động của Công ty nhằm đưa ra những quyết định kịp thời nhất định hướng cho Ban điều hành.

Hội đồng quản trị có 02 người là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty, gồm: Ông Phạm Quang Anh, Bà Nguyễn Kim Cúc. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị với 02 thành viên độc lập không điều hành bảo đảm đúng tỷ lệ về thành viên hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật.

✓ BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm ba thành viên theo quy định của Điều lệ Công ty, bao gồm các ông/bà:

- Bà Đặng Mỹ Hạnh – Trưởng ban
- Bà Hồ Lệ Hoài Mai – Thành viên
- Bà Phan Ngọc Đan Phương – Thành viên

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã xem xét toàn diện hoạt động của công ty cũng như đã làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc để nắm rõ hơn tình hình hoạt động của công ty, phục vụ cho việc báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp thường niên năm 2013. Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua đã có những bước tiến triển tốt mặc dù công ty phải đối mặt với những khó khăn chung của TTCK. Tuy nhiên, Công ty đã tăng trưởng được thị phần và tiếp tục khẳng định thương hiệu SJCS trong hoàn cảnh thị trường khó khăn và cạnh tranh gay gắt. Báo cáo tài chính năm 2013 đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm tra công nhận và Ban Kiểm soát hoàn toàn thống nhất với các số liệu này.

CÔNG TY
 HỮU
 KHOA
 C
 (ĐC)

Hoạt động của bộ phận Kiểm soát nội bộ cũng góp phần quan trọng trong việc bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của Công ty và nhân viên Công ty, hỗ trợ hoạt động cho Ban Kiểm soát rất tốt.

✓ **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Huỳnh Anh Tuấn	Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Hồng Trang	Phó Tổng Giám Đốc

✓ **ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

PHÒNG KẾ TOÁN	Trần Khánh Dư Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 18/11/2013
	Phạm Thị Hiền Phụ Trách phòng Kế toán	Bổ nhiệm ngày 18/11/2013

BAN KIỂM SOÁT	Bà Đặng Mỹ Hạnh Trưởng Ban kiểm soát
----------------------	--

VI. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

❖ **Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT và Ban Kiểm Soát**

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định hàng năm căn cứ trên đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

❖ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT**

STT	Cổ đông	Số ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần Sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Huỳnh Thị Bích Ngân	022231514	12/6 Trương Định. P.6. Q.3. TP.HCM	529.000	9,98%
2	Huỳnh Anh Tuấn	351970173	233 Võ Thị Sáu. P.7. Q.3. TP.HCM	276.440	5,91%
3	Nguyễn Hồng Trang	023323004	207/20/1 Nguyễn Văn Đậu. P.11. Q.Bình Thạnh. TP.HCM	264.470	4,99%
4	Phạm Quang Anh	023748375	28B3 cư xá 304 Điện Biên Phủ, P.25. Q.Bình Thạnh. TP.HCM	0	0%
5	Nguyễn Kim Cúc	023775791	2A Quang Trung, Gò Vấp, Tp.HCM	50.000	0,94%
TỔNG				1.119.910	21,82%

Nguồn: SJCS

❖ **Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn**

Cơ cấu cổ đông tính tới ngày 31/12/2013

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Tổng mệnh giá (VND)	% vốn điều lệ
I. Trong nước	55	53.000.000.000	100%
1. Cổ đông tổ chức	3	8.269.400.000	15,6%
2. Cổ đông cá nhân	52	44.730.600.000	84,4%
II. Nước ngoài	-	-	-
1. Cổ đông tổ chức	-	-	-
2. Cổ đông cá nhân	-	-	-
Tổng cộng	55	53.000.000.000	100%

Nguồn: SJCS

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 31/12/2013

STT	Cổ đông	Số ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần Sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Ngọc Phong Đại diện phần vốn: Ông Phạm Quang Anh	5003000299	KCN Xuyên Á. Xã Mỹ Hạnh Bắc. H.Đức Hòa. Long An	528.940	9,98%
2	Huỳnh Thị Bích Ngân	022231514	12/6 Trương Định. P.6. Q.3. TP.HCM	529.000	9,98%
3	Đoàn Thị Phương Lan	023133398	232 Nam Kỳ Khởi Nghĩa. P.6. Q.3. TP.HCM	528.940	9,98%
4	Đoàn Thị Khánh Vân	024346797	232 Nam Kỳ Khởi Nghĩa. P.6. Q.3. TP.HCM	442.120	8,34%
5	Huỳnh Anh Tuấn	351970173	233 Võ Thị Sáu. P.7. Q.3. TP.HCM	276.440	5,9%
6	Nguyễn Hồng Trang	023323004	207/20/1 Nguyễn Văn Đậu, P.11, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	264.470	5%
7	Trần Thanh Hải	020996086	207/20/1 Nguyễn Văn Đậu, P.11, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	264.470	5%
8	Nguyễn Dũng Dệ	022442011	12/6 Trương Định. P.6. Q.3, TP.HCM	264.470	5%
TỔNG				3.135.600	59,16%

Nguồn: SJCS

❖ **Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Theo Quyết định số 238/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% vốn điều lệ của Công ty.

Điều lệ Công ty không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Hiện nay, Công ty chưa có cổ đông là thể nhân hoặc pháp nhân nước ngoài.

TỔNG GIÁM ĐỐC

HUYNH ANH TUẤN